

Thu hút FDI vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian tới

VŨ NGỌC TỨ*

Công nghiệp chế biến, chế tạo (CNCBCT) là ngành có năng suất lao động cao so với năng suất chung của toàn nền kinh tế và hiện đang có đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng kinh tế nhờ có thu hút phần lớn vốn FDI. Tuy nhiên, kết quả thu hút FDI vào ngành CNCBCT cho đến nay vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thực sự phát huy được hết tiềm năng của ngành, cũng như chưa vươn tới được mục tiêu phát triển bền vững. Trong bài viết này, tác giả phân tích và đánh giá thực trạng thu hút FDI vào ngành CNCBCT ở Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra những đề xuất góp phần đẩy mạnh việc thu hút nguồn vốn FDI vào ngành CNCBCT, nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

THỰC TRẠNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

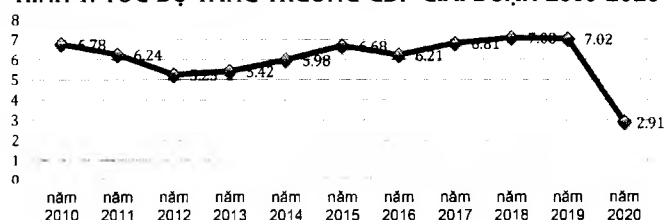
Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã có bước phát triển tích cực, đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng, với tốc độ tăng trưởng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2010.

Tuy nhiên, bước sang năm 2020, đại dịch bệnh Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến kinh tế toàn cầu, đẩy hầu hết các nền kinh tế lớn lâm vào tình trạng suy thoái. Kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động rất mạnh do độ mở cao, phụ thuộc lớn vào hoạt động xuất khẩu và đầu tư nước ngoài. Quý I/2020, tăng trưởng GDP đạt 3,82%, nhưng tăng trưởng quý II chỉ còn 0,39%, quý III khả quan hơn một chút đạt 2,62%; sang quý IV, GDP tăng mạnh lên 4,48%. Năm 2020, tăng trưởng GDP đạt 2,91%, đây là mức tăng trưởng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2010-2020 (Hình 1).

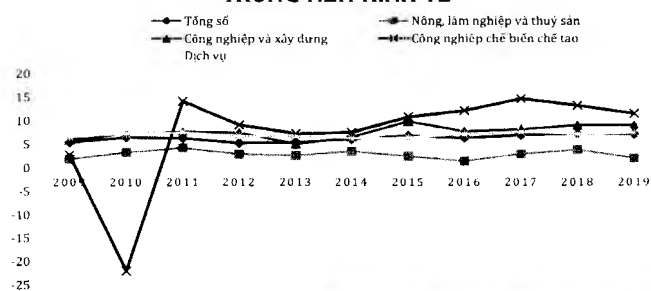
NGÀNH CNCBCT - ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM

Trong những năm trở lại đây, CNCBCT luôn là ngành đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế của Việt Nam và là ngành có đóng góp hàng đầu trong

HÌNH 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP GIAI ĐOẠN 2010-2020



HÌNH 2: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH TRONG NỀN KINH TẾ



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020

* ThS., Trường Đại học Thương mại

BẢNG: TÌNH HÌNH THU HÚT FDI VÀO NGÀNH CNCBCT GIAI ĐOẠN 2010-2020

Năm	Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	% So với tổng số vốn FDI (%)	Số dự án cấp mới (dự án)
2010	2,97	13,8	-
2011	5,1	27,4	385
2012	7,123	48,5	435
2013	9,1	69,9	498
2014	17,14	76,7	605
2015	15,5	70,7	880
2016	16,428	68,1	616
2017	15,538	63,8	1020
2018	15,876	44,2	932
2019	16,588	46,8	1065
2020 (dự kiến)	24,561	64,6	1314

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài

tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng xuất khẩu và thu hút vốn FDI. Trong giai đoạn 2015-2019, ngành CNCBCT chiếm bình quân 15,15% GDP cao hơn so với giai đoạn 2010-2014 (13,22%), nhưng thấp hơn giai đoạn 2005-2010 (bình quân 17,9% GDP).

Khi xem xét về tốc độ tăng trưởng của các ngành, thì CNCBCT đang là ngành chiếm ưu thế. Trong 10 năm (2009-2019), ngành CNCBCT luôn có tốc độ tăng trưởng cao trong nền kinh tế với mức tăng bình quân đạt 12,23%/năm, đứng vị trí thứ nhất.

Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành CNCBCT giai đoạn 2011-2019 cũng đạt mức cao, lần lượt là: 14,08%; 9,05%; 7,22%; 7,41%; 10,60%; 11,90%; 14,40%; 12,98%; 11,29%.

Riêng năm 2020, trong bối cảnh khó khăn do đại dịch Covid-19, ngành CNCBCT tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82% (quý I tăng 7,12%; quý II tăng 3,38%; quý III tăng 3,86%; quý IV tăng 8,63%), đóng góp 1,25 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế.

CNCBCT hiện là ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp cao nhất trong số các ngành công nghiệp và cao hơn cả chỉ số sản xuất công nghiệp chung của toàn nền kinh tế. Năm 2019, chỉ số sản xuất ngành CNCBCT đạt 110,4% cao hơn mức chung của toàn ngành (109,1%). Năm 2020, chỉ số tiêu thụ toàn ngành CNCBCT tăng 3,3% so với năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 82,8%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 18%; sản xuất kim loại tăng 11,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 9,2%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 6,8%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 5,7%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 5,3%.

Chỉ số tồn kho ngành CNCBCT ước tính tại thời điểm 30/12/2020 tăng 25,3% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2019 tăng 13,6%). Tỷ lệ tồn kho ngành CNCBCT bình quân năm 2020 ở mức khá cao với 71,9% (năm 2019 là 68,8%), trong đó một số ngành có tỷ lệ tồn kho cao: dệt 119,6%; chế

biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa 110,6%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất 103%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác 97,3%; sản xuất chế biến thực phẩm 94,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic 88,7%; sản xuất thiết bị điện 87,9%.

Xét về cán cân thương mại, thì tỷ lệ nhập khẩu lớn, cán cân thương mại của ngành CNCBCT thường xuyên rơi vào tình trạng thâm hụt. Điều này cho thấy sự phụ thuộc lớn vào nhập khẩu trong hoạt động sản xuất của ngành CNCBCT. Mặc dù vậy, giai đoạn 2016-2020, cán cân thương mại đã chuyển sang trạng thái thặng dư; đặc biệt, năm 2018, ngành CNCBCT xuất siêu 16.910,3 triệu USD, thể hiện xu hướng tích cực trong hoạt động sản xuất của ngành.

THỰC TRẠNG THU HÚT FDI VÀO NGÀNH CNCBCT

Những năm qua, CNCBCT là 1 trong 3 nhóm ngành thu hút FDI nhiều nhất trong nền kinh tế, bên cạnh ngành dịch vụ và bất động sản. Những năm gần đây, CNCBCT luôn là lĩnh vực dẫn đầu trong việc thu hút FDI của Việt Nam. Theo Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong vòng 10 năm (2010-2020), FDI của ngành CNCBCT đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Số vốn FDI đăng ký của ngành năm 2010 là 2,97 tỷ USD đã tăng lên gần 10 lần đạt 24,561 tỷ USD vào năm 2020 (Bảng).

Trong giai đoạn 2013-2017, tỷ trọng FDI của ngành CNCBCT so với tổng số vốn FDI của toàn bộ nền kinh tế Việt Nam có sự gia tăng mạnh mẽ, chiếm đến 60%-80%. Từ năm 2018 đến 2020, tỷ trọng FDI của ngành CNCBCT có giảm, nhưng vẫn luôn là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất. Tuy sự giảm xuống còn 44,2% vào năm 2018 và 46,8% vào năm 2019, nhưng đến năm 2020, tỷ trọng này đã tăng lên trở lại, chiếm 64,6% tổng số vốn FDI của toàn bộ nền kinh tế.

Riêng trong năm 2020, các dự án FDI ngành CNCBCT được cấp phép mới có số vốn đăng ký lớn nhất, đạt 7,2 tỷ USD, chiếm 49,1% tổng vốn đăng ký cấp mới. Nếu tính cả vốn đăng ký điều chỉnh của các dự án đã cấp phép từ các năm trước, thì vốn FDI vào ngành CNCBCT đạt 11,8 tỷ USD, chiếm 56% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà

đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào ngành CNCBCT đạt 1,8 tỷ USD, chiếm 24,3% tổng vốn.

Điều đáng lưu ý là, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Việt Nam là điểm đến trong xu thế dịch chuyển dòng vốn đầu tư toàn cầu năm 2020. Các nhà đầu tư nước ngoài, điển hình là Foxconn và nhiều thương hiệu lớn nổi tiếng khác từ các quốc gia truyền thống, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... đã có những dự án mới, có quy mô lớn và triển khai rất nhanh ở nhiều địa phương, như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Giang... Trong số đó chủ yếu là các dự án đầu tư vào ngành CNCBCT, cụ thể là đầu tư vào lĩnh vực điện tử. Đơn cử như Công ty TNHH LUXSHARE-ICT hoạt động trong lĩnh vực điện tử đầu tư dự án mới có quy mô lớn vào Bắc Giang hồi tháng 3/2020. Chỉ mới mấy tháng đi vào hoạt động trong năm 2020, doanh nghiệp (DN) này đã sản xuất được khoảng trên 15 triệu tai nghe có kết nối với micro, tạo ra trên 33 nghìn tỷ đồng doanh thu (100% xuất khẩu). Dự án này đã tạo việc làm cho 30.000 lao động (dự kiến năm 2021 tăng lên 50.000 lao động) và là nhân tố chủ yếu làm cho chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp ở Bắc Giang năm 2020 tăng khoảng 20% so với năm 2019. Đây là một tốc độ tăng ấn tượng trong năm đại dịch Covid-19, đóng góp tích cực vào mức tăng trưởng chung của cả nước.

Hay như ở Quảng Ninh, cũng có 6 DN FDI mới đầu tư và đi vào hoạt động trong năm 2020, chủ yếu vào lĩnh vực điện tử, đã thu hút 6.500 lao động, tạo ra khoảng 3.500 tỷ đồng doanh thu (100% xuất khẩu) đóng góp tích cực vào mức tăng trưởng sản xuất công nghiệp 20% của Quảng Ninh trong năm 2020.

Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy là FDI vào Việt Nam chủ yếu là những ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn, như: may mặc, giày dép. Các doanh nghiệp FDI chủ yếu tập trung vào hoạt động gia công, lắp ráp, nguyên vật liệu chủ yếu nhập từ nước ngoài, nên giá trị gia tăng còn thấp.

NHỮNG GIẢI PHÁP CẦN THỰC HIỆN

Thứ nhất, về định hướng chung

Thực tế cho thấy, thu hút FDI vào CNCBCT là hướng đi hoàn toàn đúng đắn nhằm thực hiện hóa mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thậm chí cao

hơn là công nghệ số hiện đại. Tuy nhiên, CNCBCT có nhiều trình độ, có trình độ rất đơn giản (như: gia công, lắp ráp), có trình độ công nghiệp hỗ trợ phát triển, làm được những sản phẩm công nghiệp cơ khí rõ ràng và cao hơn là trình độ tự động hóa, công nghệ số. Vậy, vấn đề đặt ra là Việt Nam chọn công nghệ nào trong những thang bậc ấy? Có yêu cầu cụ thể gì khi muốn thu hút đầu tư vào mảng công nghiệp này để có thể đuổi kịp các nước phát triển?

Trong thời gian tới, để các dự án FDI đầu tư vào lĩnh vực CNCBCT thực sự mang lại hiệu quả cao, Việt Nam cần “khắt khe” hơn trong việc lựa chọn dự án FDI đầu tư vào lĩnh vực này. Cần nói không với những dự án có công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều lao động, gây ô nhiễm môi trường, lãng phí nguồn lực; hướng đến thu hút những dự án lớn của những tập đoàn đa quốc gia, có tiềm lực tài chính mạnh, có công nghệ hiện đại, sử dụng ít lao động và mang lại giá trị gia tăng cao.

Việt Nam cần có chính sách cho phù hợp, làm sao thu hút đầu tư để thay đổi được cái chất của nền công nghiệp Việt Nam, chứ không phải theo số lượng trong khi công nghệ lạc hậu. Nhà nước cần có quan điểm rõ ràng với các địa phương trong thu hút FDI và yêu cầu các địa phương phải thực hiện: chọn công nghệ nào, quy trình nào? Nếu quy trình chỉ là khâu lắp ráp cuối cùng để có sản phẩm mang xuất xứ Việt Nam, thì không cần đầu tư; còn quy trình sản xuất từ A đến Z, từ linh kiện, phụ tùng đến sản phẩm lại khác.

Thứ hai, những giải pháp cụ thể nhằm thu hút FDI chất lượng cao vào CNCBCT Việt Nam trong thời gian tới

Một là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nhà đầu tư ở ngành CNCBCT nói riêng và ở tất cả các ngành nói chung đều cho biết, tình trạng nhân lực thiếu các kỹ năng cần thiết trong ngành (kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng mềm) là rào cản hàng đầu đối với tăng trưởng và tình trạng này hiện đã kéo theo áp lực tăng lương. Cung cấp kỹ năng có thể được coi như một trong số những vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết để duy trì được năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư FDI vào ngành. Khi đó, ngành CNCBCT phải tiến hành ngay khảo sát quốc gia về cung cầu theo ngành nghề trong ngành của mình và thường xuyên cập nhật.

Đặc biệt, cần tiến hành chương trình phối hợp DN - Nhà nước kết hợp nhiều nội dung, từ các khóa dạy nghề/chuyển đổi ngắn hạn, cải thiện liên kết giữa cơ sở giáo dục - doanh nghiệp và cấp visa dựa trên kỹ năng/tay nghề, tới cải cách chương trình giáo dục dài hạn và FDI trong ngành giáo dục bởi các tổ chức toàn cầu hàng đầu.

Cần chú trọng kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng mềm và nên lồng ghép vào với tất cả các chương trình đào tạo nghề, đào tạo đại học, cũng như tạo cho các trường đại học, viện đào tạo nhiều quyền tự chủ hơn để đáp ứng nhu cầu của DN và các cơ hội cộng tác.

Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo đồng thời với kỹ năng. Thu hút những cá nhân có bí quyết kinh doanh, ý tưởng,

kỹ năng tới Việt Nam làm việc cũng quan trọng đối với thu hút FDI và chuyển giao công nghệ như việc thu hút các công ty có vốn.

Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng trong nước và thu hút doanh nghiệp và chất xám từ nước ngoài đòi hỏi có chiến lược nghiên cứu và ứng dụng quốc gia đồng bộ tương tự, kết hợp các ưu đãi để khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng ở các viện trường, khối kinh tế tư nhân và Nhà nước, tài trợ khởi nghiệp, hỗ trợ DN nhỏ và vừa...

Hai là, xây dựng “Môi trường đầu tư kinh doanh 4.0” trong thu hút FDI

Thực tế cho thấy, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam chưa theo kịp tốc độ phát triển của khối kinh tế tư nhân. Một số rào cản thực tế hoặc nhận thức về thủ tục phê duyệt, cấp phép và giấy phép đầu tư, quy định và quy trình lỗi thời, bảo vệ nhà đầu tư chưa tốt... đang gây cản trở đầu tư FDI vào ngành CNCBCT. Vì thế, việc cải thiện môi trường kinh doanh cho mọi nhà đầu tư là rất cần thiết. Theo đó, cần đề ra những mục tiêu lớn, chuyển từ “chạy theo sau” sang cung cấp môi trường đầu tư và kinh doanh ưu việt hơn các điểm đến cạnh tranh khác trong khu vực.

Thay thế các quy định và hệ thống dùng giấy tờ lỗi thời bằng các giải pháp công nghệ số/trực tuyến - nhờ đó mà giảm tham nhũng (vốn vẫn bị nhà đầu tư coi là rào cản hàng đầu đối với tăng trưởng). Thay thế nguyên tắc chọn cho (positive list) đã lỗi thời về xác định điều kiện để được cấp giấy phép/hưởng ưu đãi, bao gồm nhiều nhóm hoạt động ưu tiên/được phép, bằng nguyên tắc chọn bỏ (negative list) hạn chế hơn. Hủy bỏ chế độ ưu đãi ngầm đối với đầu tư FDI định hướng xuất khẩu và đầu tư mới - các liên doanh và DN FDI trong các chuỗi cung ứng địa phương thường có tác động lớn hơn về gia tăng giá trị và chuyển giao công nghệ tại chỗ.

Ba là, gia tăng nội lực của các DN chế biến, chế tạo nội địa

Trong thời gian tới, cần phát huy sức mạnh của ngành CNCBCT nội địa để tạo được chuỗi sản xuất với các DN FDI, tạo sức hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài lớn của thế giới. Theo đó, Bộ Công Thương sẽ

tập trung phát triển các ngành CNCBCT ưu tiên nhằm tạo tác động lan tỏa cho toàn ngành; ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến sâu đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, nhất là các sản phẩm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh nhằm nâng cao giá trị gia tăng ngành, qua đó tiêu thụ sản phẩm cho nông dân và tăng giá trị xuất khẩu.

Ngoài ra, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm cơ khí, ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực, như: ô-tô, máy nông nghiệp, thiết bị công trình, đóng tàu biển... Quan trọng nhất là tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của khối DN CNCBCT tư nhân, phát triển những thương hiệu tư nhân trong khu vực và toàn cầu; khuyến khích và hỗ trợ DN tư nhân lớn đầu tư dài hạn, tạo dựng sản phẩm và thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh quốc tế; thu hẹp khoảng cách về năng lực cạnh tranh đối với các DN FDI trong các ngành CNCBCT trọng điểm.

Các DN trong ngành CNCBCT cần chủ động đổi mới công nghệ, quy mô sản xuất, mặt khác, các cơ quan chức năng cần tháo gỡ cơ chế “khát vốn” cho DN, chủ động tìm kiếm và tiếp cận với những DN có nhu cầu vốn đổi mới công nghệ sản xuất. Từ đó, xây dựng giải pháp đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay. Bên cạnh đó, cần phải thúc đẩy phát triển hệ thống phân phối “nội” để dẫn dắt và tạo điều kiện lan tỏa phát triển sản phẩm Việt.

Ngược lại, DN cũng cần phải chủ động hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay để rút ngắn khoảng cách từ nhu cầu vay đến thực tế giải ngân vốn vay. DN CNCBCT Việt Nam cần thực hiện hiệu quả minh bạch tài chính, hoạt động sản xuất và có chiến lược phát triển bền vững. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Đầu tư nước ngoài Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2009-2020). *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài các năm, từ 2009 đến 2020*
2. Tổng cục Thống kê (2020). *Niên giám Thống kê 2019*, Nxb Thống kê
3. Hồ Thị Thanh Mai và Phạm Thị Thanh Thủy (2016). Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Khánh Hòa, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 44/2016
4. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2020). FDI - Nguồn vốn quan trọng thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, *Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, số 12/2020
5. Phạm Thiên Hoàng (2019). *Tâm quan trọng của khu vực FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam*, truy cập từ <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/tam-quan-trong-cua-khu-vuc-fdi-doi-voi-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-viet-nam-308893.html>
6. Ái Vân (2019). *Thu hút FDI vào ngành công nghiệp chế biến*, truy cập từ <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/thu-hut-von-fdi-vao-cong-nghiep-che-bien-315424.html>